

Số: 01/KH-GDNT 24-36T

Phúc Khánh, ngày 11 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH
Nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Nhóm trẻ 24 – 36 tháng tuổi

Căn cứ để xây dựng kế hoạch:

Căn cứ vào Quyết định số 796/QĐ- UBND, ngày 13 tháng 08 năm 2025 của UBND tỉnh Lào Cai Quyết định ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Căn cứ Kế hoạch số 164/KH-MN ngày 27/8/2025. Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025 – 2026 của trường MN số 1 Phúc Khánh;

Căn cứ Quyết định số 165/QĐ-MN, ngày 27/8/2025 của Hiệu trưởng trường MN số 1 Phúc Khánh. Về việc Quyết định ban hành Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026;

Căn cứ Kế hoạch số 183/KH-MN ngày 9/9/2025 của trường MN số 1 Phúc Khánh kế hoạch chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ Giáo dục mầm non năm học 2025 - 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 196/KH-MN, ngày 10/9/2025 của Trường MN số 1 Phúc Khánh. Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nhà trường năm học 2025-2026;

Căn cứ vào kết quả chăm sóc, giáo dục lớp Nhóm trẻ 24 - 36 tháng tuổi năm học 2024 – 2025;

Căn cứ vào tình hình thực tế giáo dục lớp Nhóm trẻ 24 - 36 tháng tuổi năm học 2025-2026;

Lớp Nhóm trẻ 24 - 36 tháng tuổi xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2025 - 2026 như sau:

I. Đánh giá thực trạng

1. Đặc điểm tình hình

* Tổng số trẻ:

- Năm học 2025 -2026 Nhóm trẻ 24 - 36 tháng tuổi được giao chỉ tiêu tuyển sinh 18 trẻ 2 tuổi. Tổng số trẻ tuyển sinh 20/20 trẻ, vượt so với chỉ tiêu được giao là 2 trẻ. Trong đó:

+ Trẻ 1 tuổi: 4 trẻ; Trẻ dân tộc: 4; Nữ: 4; Nữ dân tộc: 4; Nam: 0

+ Trẻ 2 tuổi: 16 trẻ; Trẻ dân tộc: 10; Nữ: 5; Nữ dân tộc: 4; Nam: 5

* Tổng số giáo viên:

Tổng số giáo viên: 2 giáo viên. Trong đó: DT: 1; Nữ: 2; Nữ DT: 1. Trình độ đào tạo: Đại học: 2

Cơ sở vật chất và đồ dùng, đồ chơi, học liệu, thiết bị dạy học được bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển chương trình giáo dục nhà trường và đảm bảo yêu cầu dạy học tại lớp.

1.1. Thuận lợi:

- Hai giáo viên đều có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, nhiệt tình, yêu nghề mến trẻ. Có ý thức học hỏi ứng dụng công nghệ thông tin vào soạn giảng và tổ chức các hoạt động dạy trẻ.

- Giáo viên tích cực đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức trong chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Hai giáo viên luôn nhận được sự ủng hộ, tin tưởng của cha mẹ trẻ, phụ huynh quan tâm đến con em mình có sự kết hợp, giúp đỡ giáo viên trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ.

- Luôn được sự quan tâm giúp đỡ của BGH và chuyên môn nhà trường về công tác chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất cho năm học mới.

- Nhận thức của nhân dân địa phương về tầm quan trọng về giáo dục đã có chuyển biến tích cực. Vì vậy nhà trường đã tham mưu với chính quyền địa phương xã hội hóa về cơ sở vật chất và đồ dùng dạy học đã được nhân dân giúp đỡ và hỗ trợ về cơ sở vật chất cũng như việc chăm sóc trẻ.

- Tỷ lệ huy động trẻ 2 tuổi ra lớp đạt theo chỉ tiêu giao tuyển sinh.

1.2. Khó khăn:

- Điều kiện kinh tế một số gia đình còn gặp nhiều khó khăn; dân cư sống rải rác không tập trung, địa hình đi lại phức tạp, trẻ nhỏ sức đề kháng kém hay bị ốm do đó ảnh hưởng đến tỷ lệ đi học chuyên cần nhất là các ngày mưa, bão, giai đoạn chuyển mùa.

- Trang thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi phục vụ cho các chủ đề còn thiếu thốn, chưa đa dạng, chưa đồng bộ.

- Học sinh dân tộc chiếm 90%

- Học sinh mới ra lớp chưa có nề nếp, còn khóc nhiều.

- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng đầu năm học còn cao.

- Một số phụ huynh chưa thực sự quan tâm đến con em mình.

- Lớp còn thiếu đồ dùng phục vụ cho công tác giảng dạy.

- Việc tổ chức các hoạt động giáo dục tại lớp còn gặp nhiều khó khăn do trẻ còn nhỏ, nhận thức của trẻ không đồng đều, trẻ mới ra lớp còn bỡ ngỡ nhút nhát, chưa có nề nếp, trẻ chưa mạnh dạn trong giao tiếp còn quấy khóc nhiều, trẻ còn chưa biết nói, nghe chưa hiểu lời cô, chưa biết bày tỏ nhu cầu mong muốn của bản thân với người lớn và cô.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ của cả hai giáo viên còn hạn chế, chưa được thường xuyên.

II. Chỉ tiêu

1. Chỉ tiêu chung:

- Danh hiệu lao động tiên tiến: 01
- Lớp học: Xếp loại Khá
- Xây dựng môi trường lớp học: Xếp loại tốt
- Học sinh: 93 - 95% trở lên trẻ đạt yêu cầu về phát triển nhận thức và giao tiếp tiếng Việt.

2. Chỉ tiêu cụ thể của nhóm lớp:

- Tỷ lệ trẻ chuyên cần từ 95% trở lên.
- Kết quả chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ cuối độ tuổi
 - + Cân nặng, chiều cao: 90% trẻ PTBT về cân nặng, chiều cao.
 - + Chỉ số phát triển ở các lĩnh vực giáo dục: Thể chất 18/20 = 90% ; Nhận thức 18/20 = 90%; Ngôn ngữ: 17/20 = 85%, TCKNXH 19/20 = 95%; Thẩm mỹ: 17/20 = 85%
- Đảm bảo an toàn cho trẻ 100% trẻ đảm bảo an toàn tại trường, không có tai nạn thương tích..

- Trình độ, năng lực của giáo viên: 02 giáo viên đạt trình độ chuẩn trên chuẩn, giáo viên có năng lực quản lý lớp và thực hiện tốt nội dung, chương trình chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

- Công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng: Tích cực học hỏi, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia các lớp bồi dưỡng bài giảng thư viện điện tử qua trang mạng xã hội, internet, dự giờ chia sẻ và học hỏi chuyên môn đồng nghiệp, 02/02 giáo viên xếp loại HT BDTX năm học 2025 - 2026. Tích cực tham gia hỗ trợ các hội thi của cô và trẻ trong năm học.

- Kết quả đánh giá: Chuyên môn: 01 giáo viên xếp loại chuyên môn giỏi, 01 giáo viên xếp loại chuyên môn khá, chuẩn nghề nghiệp: 01 giáo viên xếp loại tốt, 01 giáo viên xếp loại khá; Viên chức: 02 giáo viên xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

III. Biện pháp thực hiện

- Xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục phù hợp với từng độ tuổi của trẻ.

- Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế của ngành, của trường. Tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ theo kế hoạch giáo dục tuần, ngày đảm bảo.

- Đánh giá trẻ cuối ngày, cuối độ tuổi thực chất, khách quan để có những biện pháp bồi dưỡng cho trẻ phù hợp.

- Duy trì tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần đạt từ 90 - 95% trở lên. Làm tốt công tác

tuyển sinh đầu năm học, phân đấu huy động Nhóm trẻ 24 – 36 tháng tuổi vượt so với chỉ tiêu được giao 20/18 trẻ.

- Chuẩn bị và tổ chức tốt công tác cho trẻ ăn tại lớp, thực hiện nghiêm ngặt về vệ sinh ATTP. Phối hợp với Phó Hiệu trưởng phụ trách dinh dưỡng xây dựng thực đơn dinh dưỡng cân đối phù hợp với lứa tuổi, thay đổi theo tuần, theo mùa để giúp trẻ phát triển khỏe mạnh, cân đối. Thực hiện tốt công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho trẻ. Tuyên truyền phụ huynh hỗ trợ tổ chức các “Bữa ăn dinh dưỡng”, “Ngày hội dinh dưỡng của bé” để bổ sung thêm dinh dưỡng, cải thiện bữa ăn cho trẻ. Phối hợp với cha mẹ, người giám hộ trong công tác nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Tuyên truyền đến phụ huynh chăm sóc can thiệp đối với trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi.

- Chủ động xây dựng kế hoạch GDMN sau sửa đổi phù hợp với điều kiện thực tế của trường, lớp. Đổi mới phương pháp giáo dục theo phương châm “Học thông qua vui chơi, trải nghiệm”, gắn kết việc quan sát, theo dõi, đánh giá hàng ngày để điều chỉnh kế hoạch giáo dục chủ đề, tuần, ngày. Nghiêm túc thực hiện đánh giá trẻ trên cơ sở điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp.

- Thực hiện đón và trả trẻ tận tay phụ huynh, sát sao với trẻ ở mọi lúc mọi nơi, loại bỏ hết những yếu tố gây mất an toàn đối với trẻ. Đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ trong thời gian ở trường, phòng tránh các tai nạn, thương tích cho trẻ.

- Sử dụng đồ dùng trực quan sinh động thu hút trẻ tham gia, thường xuyên đổi mới phương pháp dạy học lấy trẻ làm trung tâm, linh hoạt thay đổi hình thức tổ chức tiết dạy tạo cho trẻ sự hứng thú tham gia giờ học, ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin vào giảng dạy, 1 giáo viên tham gia hội giảng cấp trường và hội giảng cấp huyện.

- Tham gia đầy đủ các buổi bồi dưỡng chuyên môn, hội thảo, hội nghị tập huấn về chuyên môn giáo viên. Tích cực tự học tự bồi dưỡng cập nhật kiến thức mới về giáo dục mầm non. Trao đổi, học hỏi chia sẻ kinh nghiệm trong công tác chủ nhiệm lớp các bạn đồng nghiệp. Tiến hành học BDTX theo đúng kế hoạch của cá nhân đã xây dựng.

- Tiến hành tự đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp vào cuối năm học.

IV. Kế hoạch giáo dục

1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

1.1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi

+ Chế độ ăn: Cơm thường

+ *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 930- 1000 Kcal.*

+ *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 60-70% nhu cầu cả ngày: 600 - 651Kcal.*

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 15% đến 25% năng lượng cả ngày.

+ *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

1.2. Tổ chức ngủ

Tổ chức trẻ từ 18 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

1.3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

1.4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

2. Giáo dục

Phần 1: Mục tiêu, nội dung trẻ nhà trẻ (24 – 36) tháng

Lĩnh vực	Mục tiêu	Nội dung
	<p>- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.</p> <p>+ Cân nặng bình thường của trẻ trai: 11,3 - 18,3 kg; Trẻ gái: 10,8 - 18,1 kg</p> <p>+ Chiều cao bình thường của trẻ trai: 88,7 - 103,5 cm; Trẻ gái: 87,4 - 102,7 cm.</p>	<p>- Theo dõi chiều cao, cân nặng theo biểu đồ tăng trưởng.</p> <p>- Trẻ phát triển bình thường theo độ tuổi.</p>

<p>- Có một số tổ chất vận động ban đầu (Nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).</p>	<p>1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
<p>- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.</p>	<p>2. Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập bò, trườn: <ul style="list-style-type: none"> + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. + Bò chui qua cổng. + Bò, trườn qua vật cản. + <i>Bò zích zắc qua 3 điểm</i> - Tập đi, chạy: <ul style="list-style-type: none"> + Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp. + Đi có mang vật trên tay. + Chạy theo hướng thẳng. + Đứng co 1 chân. - Tập nhún bật: <ul style="list-style-type: none"> + Bật tại chỗ + Bật qua vạch kẻ. - Tập tung, ném, bắt: <ul style="list-style-type: none"> + Tung- bắt bóng cùng cô. + Ném bóng về phía trước. + Ném bóng vào đích (<i>từ 1.5m - 2m</i>)
<p>- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động của bàn tay, ngón tay.</p>	<p>3. Các cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, nhào, khuấy, đảo, vò, xé. - Đóng cọc bàn gỗ

Phát triển thể chất		<ul style="list-style-type: none"> - Nhón nhặt đồ vật. - Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình - Chồng, xếp 6-8 khối. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách.
	<ul style="list-style-type: none"> - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. 	<p>1. Tập luyện nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; <i>Rửa tay sau khi đi vệ sinh, rửa tay khi tay bẩn</i>; vứt rác đúng nơi quy định.
	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân. 	<p>2. Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập tự phục vụ: <ul style="list-style-type: none"> + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + Chuẩn bị chỗ ngủ. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. <p>3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm

		và phòng tránh.
Phát triển nhận thức	<ul style="list-style-type: none"> - Thích tìm hiểu khám phá về thế giới xung quanh. - Có sự nhạy cảm của các giác quan 	<p>1. Luyện tập và phối hợp các giác quan: Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua- cay).
	<ul style="list-style-type: none"> - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. 	<p>2. Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số bộ phận của cơ thể con người - Tên (của bản thân và bạn), chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân, trán, cằm, má... - Một số đồ dùng, đồ chơi. - Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Một số phương tiện giao thông quen thuộc - Tên đặc điểm nổi bật và công dụng của PTGT gần gũi. - Một số con vật, hoa, quả quen thuộc - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian. - Màu đỏ, vàng, xanh, đen, trắng - Kích thước to - nhỏ. - Hình tròn, hình vuông, hình tam giác

	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng quan sát nhận xét, nghi nhớ và diễn đạt để hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng một - nhiều. - Bản thân, người gần gũi - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp.
Phát triển ngôn ngữ	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. 	<p>1. Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc. - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào? - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.
	<ul style="list-style-type: none"> - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. 	<p>2. Nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các âm khác nhau. - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?,.... thế nào?, để làm gì?, tại sao?...
	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - Hồn nhiên trong giao tiếp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.

		<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. <p>3. Làm quen với sách</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. 	<p>1. Phát triển tình cảm</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Ý thức về bản thân</i> - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân và bạn. - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. - <i>Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc, hành động.</i> - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.
	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. 	<p>2. Phát triển kỹ năng xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.</i> - Giao tiếp với những người xung quanh. - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Quan tâm đến các vật nuôi. - <i>Hành vi văn hóa giao tiếp đơn giản</i> - Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn, <i>không đánh bạn</i>. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.
	<ul style="list-style-type: none"> - Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé 	<p>3. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nghe hát, hát và vận động đơn giản</i>

dán, xếp hình ,thích nghe đọc thơ, kể chuyện...	<i>theo nhạc</i> - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. <i>- Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh.</i> - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh.
-------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

Phần 2. Dự kiến các chủ đề và thời gian thực hiện các chủ đề trong năm học.

Số thứ tự chủ đề giáo dục thực hiện trong năm học	Dự kiến các chủ đề giáo dục trong năm học	Dự kiến thời gian và thời lượng thực hiện chủ đề
Bé và các bạn	3 Tuần: Từ 08/9/2025 - 26/9/2025	
	Nhánh 1: Bé là ai?	Tuần 1: 08/9 - 12/9/2025
	Nhánh 2: Các bạn của bé	Tuần 2: 15/9 - 19/9/2025
	Nhánh 3: Biết biết nhiều thứ	Tuần 3: 22/9 - 26/9/2025
Đồ dùng, đồ chơi của bé	3 Tuần: Từ 29/9/2025 - 17/10/2025	
	Nhánh 1: Bé vui tết trung thu	Tuần 4: 29/9 - 03/10/2025
	Nhánh 2: Đồ chơi của bé.	Tuần 5: 06/10 - 10/10/2025
	Nhánh 3: Đồ dùng quen thuộc của bé.	Tuần 6: 13/10 - 17/10/2025
Cây và những bông hoa đẹp	4 Tuần: Từ 20/10/2025 - 14/11/2025	
	Nhánh 1: Bé yêu cây xanh.	Tuần 7: 20/10 - 24/10/2025
	Nhánh 2: Hoa đẹp trong vườn	Tuần 8: 27/10 - 31/10/2025
	Nhánh 3: Một số loại rau	Tuần 9: 03/11 - 07/11/2025
	Nhánh 4: Các loại quả bé thích	Tuần 10: 10/11 - 14/11/2025
	3 Tuần: Từ 17/11/2025 - 05/12/2025	

Các bác, các cô trong trường Mầm non	Nhánh 1: Ngày nhà giáo Việt Nam.	Tuần 11: 17/11 - 21/11/2025
	Nhánh 2: Các bác, các cô trong trường.	Tuần 12: 24/11 - 28/11/2025
	Nhánh 3: Cô giáo của bé	Tuần 13: 01/12 - 05/12/2025
Gia đình của bé + Cháu yêu chú bộ đội.	5 Tuần: Từ 08/12/2025 - 09/01/2026	
	Nhánh 1: Bố và mẹ của bé	Tuần 14: 08/12 - 12/12/2025
	Nhánh 2: Cháu yêu chú bộ đội	Tuần 15: 15/12 - 19/12/2025
	Nhánh 3: Người thân của bé	Tuần 16: 22/12 - 26/12/2025
	Nhánh 4: Đồ dùng gia đình	Tuần 17: 29/12 - 02/01/2026
	Nhánh 5: Ngôi nhà của bé	Tuần 18: 05/01 - 09/01/2026
Bé thích đi bằng phương tiện giao thông gì?	4 Tuần: Từ 12/01/2026 - 06/02/2026	
	Nhánh 1: Phương tiện giao thông đường bộ.	Tuần 19: 12/01 - 16/01/2026
	Nhánh 2: Phương tiện giao thông đường thủy	Tuần 20: 19/01 - 23/01/2026
	Nhánh 3: Phương tiện giao thông đường sắt.	Tuần 21: 26/01 - 30/01/2026
	Nhánh 4: Phương tiện giao thông đường hàng không.	Tuần 22: 02/02 - 06/02/2026
Ngày tết và mùa xuân	3 Tuần: Từ 09/02/2026 - 13/3/2026	
	Nhánh 1: Sức khỏe của bé trong ngày tết.	Tuần 23: 09/02 - 13/02/2026
	Nhánh 2: Các loại hoa, quả, bánh trong ngày tết	Tuần 24: 02/3 - 06/3/2026
	Nhánh 3: Mùa xuân với bé.	Tuần 25: 09/3 - 13/3/2026
Những con	4 Tuần: Từ 16/3/2026 - 10/4/2026	
	Nhánh 1: Con vật nuôi trong gia đình (Tuần 1)	Tuần 26: 16/3 - 20/3/2026
	Nhánh 1: Con vật nuôi trong gia đình	Tuần 27: 23/3 - 27/3/2026

vật đáng yêu	(Tuần 2)	
	Nhánh 2: Một số con vật sống trong rừng.	Tuần 28: 30/3 - 03/4/2026
	Nhánh 3: Con vật sống dưới nước	Tuần 29: 06/4 - 10/4/2026
Mùa hè với bé	3 Tuần: Từ 13/4/2026 - 29/4/2026	
	Nhánh 1: Thời tiết mùa hè	Tuần 30: 13/4 - 17/4/2026
	Nhánh 2: Quần áo trang phục mùa hè	Tuần 31: 20/4 - 24/4/2026
	Nhánh 3: Bé được làm gì trong mùa hè?	Tuần 32: 27/4 - 29/4/2026
Bé lên Mẫu giáo	3 Tuần: Từ 04/5/2026 - 22/5/2026	
	Nhánh 1: Trường Mầm non	Tuần 33: 04/5 - 08/5/2026
	Nhánh 2: Lớp Mẫu giáo	Tuần 34: 11/5 - 15/5/2026
	Nhánh 3: Các hoạt động của bé trong nhóm lớp	Tuần 35: 18/5 - 22/5/2026

Trên đây là kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của Nhóm trẻ 24 – 36 tháng tuổi năm học 2025 - 2026.

Nơi nhận

- BGH nhà trường
- Lưu: nhóm, lớp;

NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH



Sầm Thị Trăng

PHÊ DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN



Hoàng Thị Sứ